

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số: 221/2026/TB-TLVHNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con" giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị D; sinh năm 1990; Nơi cư trú: Thôn M, xã T, tỉnh Quảng Trị;

CCCD số 044190001753, cấp ngày 20/3/2022;

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1996, nơi cư trú: Thôn V (trước đây là thôn I), xã B, tỉnh Quảng Trị.

CCCD số 044096000653, cấp ngày 14/01/2023;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2026;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị D và anh Nguyễn Ngọc C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Chị Phạm Thị D và anh Nguyễn Ngọc C thống nhất 01 con chung là Nguyễn Ngọc Duy A, sinh ngày 14/01/2022; Sau khi ly hôn, chị Phạm Thị D và anh Nguyễn Ngọc C thống nhất thỏa thuận giao cháu Nguyễn Ngọc Duy A cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh C tự nguyện cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng (Năm triệu đồng) cho đến khi con trưởng thành. (đủ 18 tuổi). Việc cấp dưỡng được thực hiện từ tháng 8 năm 2026

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con

chưa thành niên, chị D và anh C đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị D và anh Nguyễn Ngọc C thống nhất không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 5 Điều 27, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn: Chị Phạm Thị D và anh Nguyễn Ngọc C mỗi người phải chịu 75.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; Anh C chịu 150.000 đồng lệ phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ. Anh C thỏa thuận chịu thay lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn cho chị D. Tổng cộng anh C phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000239 ngày 16 tháng 7 năm 2026, anh C đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND KV4- tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Mỹ;
- Công an xã Tân Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Châu Mạnh Cường